

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 13/2019/KDTM-ST  
Ngày 24-10-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng tín  
dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đình Diệu;
2. Ông Bùi Đức Khoa.

*Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên;*

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-KDTM ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần QT; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L; có mặt.*

*2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1983 và chị Hoàng Thị Thu H1, sinh năm 1988; đều thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*1/ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960; thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.*

*2/ Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1981; thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.*

*3/ Anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.*

4/ Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1957; thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Mạnh H, chị Hoàng Thị Thu H1, bà Hoàng Thị T, anh Nguyễn Duy C và anh Nguyễn Duy D (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019); có mặt

5/ Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1972; thường trú: Thôn Sỏ, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6/ Bà Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1973; thường trú: Thôn Sỏ, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Giữa ngân hàng thương mại cổ phần QT (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 đã thỏa thuận, ký hợp đồng tín dụng số 288/HĐTD1-VIB17/13 ngày 04/6/2013 với các nội dung: Ngân hàng cho anh H chị H1 vay số tiền 950.000.000 đồng, mục đích để anh H chị H1 bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh nhôm kính, làm cửa cuốn; thời hạn vay theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ; phương thức trả nợ: Thời hạn trả nợ gốc của từng món vay là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ của mỗi khế ước, nợ lãi trả vào ngày 01 hàng tháng, số tiền lãi phải trả =  $\text{Dư nợ vay thực tế} \times \text{Số nợ vay thực tế của kỳ lãi} \times \text{Lãi suất vay (\%/năm)}/360$ ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Sau đó, ngân hàng giải ngân và hai bên đã ký khế ước nhận nợ số 288.01/KUNN1-VIB17/13 ngày 30/8/2013, anh H nhận nợ ngân hàng số tiền 950.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 30/8/2013. Lãi suất vay các bên thỏa thuận trong các khế ước là 11,99%/năm trong 06 tháng đầu và chịu sự điều chỉnh, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng nhà nước Việt Nam và chính sách của ngân hàng TMCP QT tại từng thời kì. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng về quyền, nghĩa vụ của hai bên.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh H chị H1, ngân hàng đã nhận thế chấp 02 tài sản qua các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân) số 288.02/2013/TN ngày 29/8/2013, bên thế chấp là ông Nguyễn Duy T1 và bà Hoàng Thị T. Hợp đồng được công chứng ngày 29/8/2013 và đăng ký thế chấp ngày 30/8/2013.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 36m<sup>2</sup> đất ở lâu dài và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất tại Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 795 tại tờ bản đồ số 02. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 039911, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00071 QSDĐ/HP-TN-TH ngày 13/9/2000 cho hộ bà Hoàng Thị T. Hợp đồng thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của bên vay (anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1) đối với ngân hàng, bao gồm: tiền vay, lãi vay, lãi quá hạn, chi

phí xử lý tài sản thế chấp, các khoản chi phí khác và các nghĩa vụ khác của bên vay tại ngân hàng được ký giữa hai bên trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2013 đến ngày 31/12/2023.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân) số 288.01/2013/TN ngày 30/8/2013, bên thế chấp là ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2. Hợp đồng được công chứng ngày 30/8/2013 và đăng ký thế chấp ngày 30/8/2013.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở lâu dài và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 635 tại tờ bản đồ số 06. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 651505, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/02048 ngày 28/11/2007 cho ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2. Hợp đồng thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của bên vay (anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1) đối với ngân hàng, bao gồm: tiền vay, lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản thế chấp, các khoản chi phí khác và các nghĩa vụ khác của bên vay tại ngân hàng được ký giữa hai bên trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2013 đến ngày 31/12/2023.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân ngày 30/8/2013 số tiền 950.000.000 đồng. Anh H chị H1 đã nhận đủ số tiền 950.000.000 đồng. Quá trình sử dụng vốn vay, anh H chị H1 đã trả được một phần nợ gốc số tiền 9.800.000 đồng. Anh H và chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/02/2014. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện thực hiện nghĩa vụ nhưng anh H chị H1 không trả nợ. Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H chị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì anh H chị H1 trả thêm được một phần nợ gốc là 240.000.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh H chị H1 phải trả số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 1.671.750.840 đồng (bao gồm nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 15.233.503 đồng, nợ lãi quá hạn 956.517.337 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/10/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ. Trường hợp anh H chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ cho ngân hàng:

Tài sản 1: Quyền sử dụng 36m<sup>2</sup> đất và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất, tại Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 795 tại tờ bản đồ số 02. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 039911, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00071 QSDĐ/HP-TN-

TH ngày 13/9/2000 cho hộ bà Hoàng Thị T; bên thế chấp ông Nguyễn Duy T1 và bà Hoàng Thị T.

Tài sản 2: Quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất, tại thôn Mắt Rồng, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 635 tại tờ bản đồ số 06. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 651505, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/02048 ngày 28/11/2007 cho ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2; bên thế chấp là ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2.

Anh Nguyễn Mạnh H, chị Hoàng Thị Thu H1 là bị đơn thể hiện ý kiến qua bản khai và qua đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa là ông Nguyễn Duy T1 trình bày: Thừa nhận việc anh H và chị H1 có vay tiền ngân hàng để kinh doanh nhôm kính, nhưng số tiền vay chỉ là 250.000.000 đồng. Trước đây, anh H và chị H1 đã có quan hệ tín dụng với ngân hàng. Số tiền nợ của món vay trước còn lại là 200.000.000 đồng. Do khó khăn về tài chính, anh H3 đã đặt vấn đề với ngân hàng cho vay thêm tiền để kinh doanh. Đại diện ngân hàng khi đó là ông Vũ Minh H3 (Giám đốc ngân hàng bán lẻ - Phòng giao dịch Thủy Nguyên) đã cho anh H xem giấy chứng nhận quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất đứng tên ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2. Ông Vũ Minh H3 nói với anh H là ông Ch không có giấy phép kinh doanh nên nhờ anh H vay hộ. Do kém hiểu biết và cũng đang rất cần tiền để đảo nợ cho khoản vay trước. Anh H và chị H1 đã ký đồng tín dụng số 288/HĐTD1-VIB17/13 ngày 04/6/2013 và khế ước nhận nợ số 288.01/KUNN1-VIB17/13 ngày 30/8/2013. Anh H nhận nợ với ngân hàng số tiền 950.000.000 đồng. Mọi thủ tục vay tiền đều do ông Vũ Minh H3 làm hết, anh H và chị H1 chỉ việc ký giấy tờ. Thực chất anh H chỉ nhận được số tiền 50.000.000 đồng, còn 200.000.000 thì để đảo nợ với ngân hàng của món vay trước. Số tiền 700.000.000 đồng thì anh H không nhận được do ông Vũ Minh H3 nói ông Ch bận công tác khi nào ông Ch về thì ông Vũ Minh H3 sẽ chuyển số tiền 700.000.000 đồng cho ông Ch. Anh H cũng có hỏi ông Vũ Minh Hà về việc trả lãi như nào thì được ông Vũ Minh H3 trả lời nợ của ai người đầy trả, khi nào trả được 250.000.000 đồng thì ông Vũ Minh Hà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H vẫn trả lãi hàng tháng, nhưng số tiền nợ 700.000.000 đồng (ông Vũ Minh Hà nói chuyển cho ông Ch vay) lại không trả được nên bị chuyển lãi quá hạn. Anh H đã liên lạc lại với ông Vũ Minh Hà thì được biết ông Vũ Minh Hà không còn làm việc cho ngân hàng nữa. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết để anh H chịu trách nhiệm với số tiền 250.000.000 đồng vay của ngân hàng. Anh H đã trả hết nợ gốc số tiền này nên đề nghị ngân hàng tạo điều kiện miễn hoặc giảm một phần tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc này và giải chấp đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Duy T1 và bà Hoàng Thị T.

Về việc ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, ông Nguyễn Duy T1 có ý kiến, nay anh H chị H1 đã trả hết số nợ vay của mình là 250.000.000 đồng thì ngân hàng giải chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2 vắng mặt tại phiên tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến về việc khởi kiện của ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H chị H1 phải trả nợ cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 1.671.750.840 đồng (bao gồm nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 15.233.503 đồng, nợ lãi quá hạn 956.517.337 đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 25/10/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ; trường hợp anh H chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hai hợp đồng thế chấp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2.

[2] Về nội dung khởi kiện của ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng

Bên vay tiền là anh H chị H1 chỉ nhận vay của ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng. Việc ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với ngân hàng số tiền 950.000.000 đồng là do không hiểu biết và khi đó đang có nhu cầu vay vốn để làm ăn. Ngoài lời khai của anh H thì không có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh anh H chị H1 chỉ vay của ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng số 288/HĐTD1-VIB17/13 ngày 04/6/2013 và khế ước nhận nợ số 288.01/KU'NN1-VIB17/13 ngày 30/8/2013 giữa ngân hàng với anh H chị H1 đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là ngân hàng với bên vay là anh H chị H1. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng, khế ước phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng và các khế ước có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng và khế ước. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, anh H chị H1 đã nhận đủ số tiền

vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng và kế ước.

Việc anh H chị H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc anh H chị H1 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 1.671.750.840 đồng (bao gồm nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 15.233.503 đồng, nợ lãi quá hạn 956.517.337 đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 25/10/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ngân hàng trong trường hợp anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Xét các tài sản được thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 mà ngân hàng yêu cầu xử lý gồm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 288.02/2013/TN ngày 29/8/2013 giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng với bên thế chấp là ông Nguyễn Duy T1 và bà Hoàng Thị T, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 36m<sup>2</sup> đất và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất, tại Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 795 tại tờ bản đồ số 02. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 039911, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00071 QSDĐ/HP-TN-TH ngày 13/9/2000 cho hộ bà Hoàng Thị T.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 288.01/2013/TN ngày 30/8/2013 giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng với bên thế chấp là ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất, tại thôn Mắt Rồng, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 635 tại tờ bản đồ số 06. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 651505, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/02048 ngày 28/11/2007 cho ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2.

Các hợp đồng thế chấp với bên nhận thế chấp là ngân hàng được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng.

Do đó, trong trường hợp anh H chị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ là thực hiện đúng hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về áp dụng pháp luật, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự để áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng giải quyết vụ án.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 có nghĩa vụ nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466, các điều 320, 321, 322 và 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần QT, buộc anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 1.671.750.840 đồng (bao gồm nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 15.233.503 đồng, nợ lãi quá hạn 956.517.337 đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 25/10/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

- Trường hợp anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần QT được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

Tài sản 1: Quyền sử dụng 36m<sup>2</sup> đất và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất, tại Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 795 tại tờ bản đồ số 02. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 039911, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00071 QSDĐ/HP-TN-TH ngày 13/9/2000 cho hộ bà Hoàng Thị T; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân) số 288.02/2013/TN ngày 29/8/2013 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP QT với bên thế chấp là ông Nguyễn Duy T1 và bà Hoàng Thị T.

Người nhận được tài sản thế chấp của ông Nguyễn Duy T1 và bà Hoàng Thị T theo thủ tục thi hành án dân sự có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản liền kề dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ theo Điều 254 của Bộ luật Dân sự; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

Tài sản 2: Quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất, tại thôn Mắt Rồng, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 635 tại tờ bản đồ số 06. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 651505, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/02048 ngày 28/11/2007 cho ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (của bên thứ 3 là cá nhân) số 288.01/2013/TN ngày 30/8/2013 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP QT với bên thế chấp là ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2.

Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay và bên thế chấp tài sản nếu xảy ra tranh chấp thì người có quyền sở hữu chung đối với tài sản này, Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự được quy định tại khoản 12 Điều 26; khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 74 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Anh Nguyễn Mạnh H và chị Hoàng Thị Thu H1 có nghĩa vụ nộp 62.152.500 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT số tiền 20.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu tạm ứng án phí số 0002589 ngày 24/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

Ngân hàng thương mại cổ phần QT, anh Nguyễn Mạnh H chị Hoàng Thị Thu H1, ông Nguyễn Duy T1, bà Hoàng Thị T, anh Nguyễn Duy C và anh Nguyễn Duy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Đình Ch và bà Phạm Thị Thu H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Quốc Phương**